

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
1	410001	Lê Duy An	15/10/2010	8.0	7.5	8.0			23.50
2	410002	Nguyễn Bình Tâm An	20/01/2010	5.25	6.75	9.4			21.40
3	410003	Nguyễn Ngọc Phương An	13/02/2010	7.25	7.25	8.6			23.10
4	410004	Nguyễn Phạm Quốc An	26/12/2010	6.75	7.25	7.8			21.80
5	410005	Nguyễn Thị Thủy An	09/04/2010	6.75	5.75	4.0			16.50
6	410006	Nguyễn Văn An	15/09/2010	2.0	3.75	2.0			7.75
7	410007	Nguyễn Văn An	06/09/2010	2.0	5.25	3.0			10.25
8	410008	Phạm Hải Trường An	20/05/2010	9.0	7.0	10.0			26.00
9	410009	Phạm Thái An	16/10/2010	5.75	6.5	2.4			14.65
10	410010	Bùi Bá Việt Anh	27/10/2010	7.75	7.75	9.0			24.50
11	410011	Bùi Phương Anh	13/04/2010	8.75	7.5	9.4			25.65
12	410012	Bùi Thị Lan Anh	11/06/2010	5.75	6.5	6.0			18.25
13	410013	Dương Minh Anh	04/02/2010	8.5	8.0	8.6			25.10
14	410014	Đào Lan Anh	24/11/2010	7.75	8.5	8.8			25.05
15	410015	Đặng Phạm Việt Anh	24/12/2010	7.25	7.25	7.2			21.70
16	410016	Đặng Quốc Anh	08/07/2010	7.0	8.0	8.2			23.20
17	410017	Đặng Thị Hoàng Anh	23/11/2010	8.5	7.25	9.6			25.35
18	410018	Đoàn Phương Anh	09/11/2010	8.0	7.25	6.4			21.65
19	410019	Đoàn Thị Thủy Anh	16/12/2010	7.5	7.5	9.0			24.00
20	410020	Hoàng Lê Kiều Anh	27/02/2010	8.5	7.5	9.6			25.60
21	410021	Hoàng Lê Phương Anh	20/04/2010	7.0	7.25	8.4			22.65
22	410022	Hoàng Quốc Anh	25/10/2010	1.0	4.75	2.4			8.15
23	410023	Khương Diệp Anh	20/11/2010	7.0	7.75	8.6			23.35
24	410024	Khương Thị Hà Anh	07/09/2010	6.75	7.75	9.4			23.90
25	410025	Mai Đức Anh	22/05/2010	7.5	7.5	9.8			24.80
26	410026	Nguyễn Bá Vũ Anh	08/05/2010	1.5	4.5	3.0			9.00
27	410027	Nguyễn Đình Hải Anh	12/06/2010	8.25	7.0	7.4			22.65
28	410028	Nguyễn Đỗ Nhật Anh	08/03/2010	7.0	8.0	9.4			24.40
29	410029	Nguyễn Đức Anh	25/03/2010	7.5	7.0	7.4			21.90
30	410030	Nguyễn Hoàng Anh	24/10/2010	7.5	6.25	8.0			21.75
31	410031	Nguyễn Hồng Anh	25/07/2010	7.75	7.25	7.0			22.00
32	410032	Nguyễn Huy Anh	11/01/2010	7.5	6.25	8.4			22.15
33	410033	Nguyễn Lan Anh	14/10/2010	8.25	7.25	8.2			23.70
34	410034	Nguyễn Minh Anh	29/12/2010	7.5	7.0	9.6			24.10
35	410035	Nguyễn Minh Anh	22/06/2010	7.25	7.0	9.8			24.05
36	410036	Nguyễn Ngọc Anh	13/06/2010	7.25	6.75	8.6			22.60
37	410037	Nguyễn Ngọc Phi Anh	20/04/2010	8.5	5.5	5.6			19.60
38	410038	Nguyễn Ngọc Phương Anh	05/09/2010	7.5	7.75	9.8			25.05
39	410039	Nguyễn Phương Anh	07/07/2010	4.75	6.25	4.6			15.60
40	410040	Nguyễn Phương Anh	17/11/2010	7.5	7.0	8.2			22.70

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1

Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	UT	KK	Tổng điểm
41	410041	Nguyễn Quốc Anh	27/08/2010	0.5	2.25	3.6			6.35
42	410042	Nguyễn Quỳnh Anh	13/08/2010	7.5	7.5	9.4			24.40
43	410043	Nguyễn Quỳnh Anh	03/03/2010	6.5	7.25	5.0			18.75
44	410044	Nguyễn Quỳnh Anh	11/07/2010	7.25	6.5	6.6			20.35
45	410045	Nguyễn Quỳnh Anh	13/11/2010	5.75	7.5	4.6			17.85
46	410046	Nguyễn Thế Anh	10/11/2010	8.5	7.0	7.4			22.90
47	410047	Nguyễn Thị Kim Anh	17/07/2010	6.5	7.5	4.6			18.60
48	410048	Nguyễn Thị Lan Anh	04/09/2010	8.5	7.5	10.0			26.00
49	410049	Nguyễn Thị Mai Anh	26/07/2010	7.5	7.0	7.2			21.70
50	410050	Nguyễn Thị Mai Anh	08/05/2010	6.75	7.5	7.6			21.85
51	410051	Nguyễn Thị Phương Anh	04/05/2010	7.5	8.0	7.6			23.10
52	410052	Nguyễn Thị Phương Anh	28/03/2010	7.0	7.25	9.4			23.65
53	410053	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	03/12/2010	7.25	7.5	7.4			22.15
54	410054	Nguyễn Tuấn Anh	10/07/2010	6.75	6.75	6.0			19.50
55	410055	Nguyễn Văn Anh	19/01/2010	7.0	7.0	7.6			21.60
56	410056	Nguyễn Việt Anh	30/08/2010	0.25	3.0	2.8			6.05
57	410057	Nông Lâm Tú Anh	26/08/2010	7.25	7.5	10.0	1.0		25.75
58	410058	Phạm Bảo Việt Anh	22/02/2010	3.0	6.75	2.6			12.35
59	410059	Phạm Duy Anh	03/12/2010	0.0	0.5	2.8			3.30
60	410060	Phạm Hoài Anh	07/11/2010	8.0	7.0	9.2			24.20
61	410061	Phạm Minh Anh	08/11/2010	8.25	7.5	8.4			24.15
62	410062	Phạm Phương Anh	18/09/2010	7.5	7.25	8.8			23.55
63	410063	Phạm Thị Bảo Anh	04/01/2010	5.0	7.5	5.8			18.30
64	410064	Phạm Thị Quỳnh Anh	31/07/2010	7.0	7.5	6.6			21.10
65	410065	Phạm Tiến Anh	10/02/2010	5.0	5.5	2.4			12.90
66	410066	Phạm Tuấn Anh	18/09/2010	1.25	4.0	4.2			9.45
67	410067	Phạm Văn Anh	18/04/2010	6.75	7.0	9.2			22.95
68	410068	Phạm Xuân Anh	25/02/2010	7.25	6.75	9.0			23.00
69	410069	Phan Ngọc Anh	09/09/2010	7.5	8.0	9.8			25.30
70	410070	Phú Việt Anh	06/11/2010	8.0	8.0	7.6			23.60
71	410071	Phùng Thị Phương Anh	17/08/2010	8.75	7.25	9.2			25.20
72	410072	Vũ Diệp Anh	07/01/2010	2.5	6.75	2.6			11.85
73	410073	Vũ Hoàng Lan Anh	02/01/2010	7.75	8.0	9.2			24.95
74	410074	Vũ Hoàng Phương Anh	01/08/2010	4.5	6.75	4.0			15.25
75	410075	Vũ Ngọc Lan Anh	02/02/2010	8.25	8.0	9.2			25.45
76	410076	Vũ Quỳnh Anh	30/03/2010	6.75	7.75	5.4			19.90
77	410077	Vũ Việt Anh	20/08/2010	5.25	6.25	4.2			15.70
78	410078	Đào Nguyệt Ánh	24/11/2010	7.75	7.5	8.0			23.25
79	410079	Nguyễn Ngọc Ánh	05/09/2010	5.25	5.75	4.2			15.20
80	410080	Đinh Hoàng Bách	09/04/2010	6.5	6.0	7.2			19.70

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
81	410081	Nguyễn Hoàng Bách	01/02/2010	7.0	6.5	6.6			20.10
82	410082	Nguyễn Hùng Bách	18/02/2010	6.5	6.25	9.0			21.75
83	410083	Nguyễn Trọng Bách	23/11/2010	8.0	7.75	9.6			25.35
84	410084	Phạm Duy Bách	03/12/2010	0.0	1.0	3.8			4.80
85	410085	Vũ Hoàng Bách	23/04/2010	0.25	3.25	4.4			7.90
86	410086	Đinh Gia Bảo	27/09/2010	0.25	4.0	2.4			6.65
87	410087	Nguyễn Duy Bảo	03/07/2010	4.75	6.25	2.8			13.80
88	410088	Nguyễn Quốc Bảo	24/03/2010	4.0	6.0	2.8			12.80
89	410089	Phan Hoàng Bảo	21/10/2010	6.75	4.5	4.6	1.0		16.85
90	410090	Vũ Gia Bảo	09/03/2010	7.5	7.25	5.8			20.55
91	410092	Đỗ Bằng Bằng	09/12/2010	7.5	8.0	6.4			21.90
92	410093	Bùi Văn Bình	10/11/2010	7.5	7.5	4.8			19.80
93	410094	Lê Thị Thanh Bình	22/11/2010	7.5	8.0	8.6			24.10
94	410095	Lương Quốc Bình	13/05/2010	7.5	7.5	9.6			24.60
95	410096	Nguyễn Hoàng Tâm Bình	31/10/2010	4.75	7.5	7.0			19.25
96	410097	Nguyễn Khải Bình	14/11/2010	5.75	7.75	7.8	1.0		22.30
97	410098	Nguyễn Thị Thiên Cẩm	26/09/2010	6.75	7.0	7.8			21.55
98	410099	Chu Nguyễn Bảo Châu	24/10/2010	7.5	7.75	8.6			23.85
99	410100	Đinh Thị Minh Châu	12/04/2010	7.5	7.0	9.6			24.10
100	410101	Phạm Minh Châu	23/09/2010	8.5	7.0	9.4			24.90
101	410102	Bùi Thị Mai Chi	11/01/2010	6.5	6.25	8.8			21.55
102	410103	Đoàn Quế Chi	01/09/2010	7.5	8.0	9.4			24.90
103	410104	Nguyễn Hà Chi	03/06/2010	7.75	8.25	8.4			24.40
104	410105	Nguyễn Hoàng Yến Chi	15/08/2010	7.5	7.75	9.4			24.65
105	410106	Nguyễn Khánh Chi	17/09/2010	8.5	8.0	8.4			24.90
106	410107	Nguyễn Mai Chi	20/01/2010	8.0	7.5	7.6			23.10
107	410108	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	15/12/2010	7.75	7.75	9.2			24.70
108	410109	Nguyễn Thảo Chi	04/01/2010	9.0	7.75	9.2			25.95
109	410110	Nguyễn Thị Chi	01/01/2010	6.5	6.75	9.2			22.45
110	410111	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	05/05/2010	6.5	7.5	7.0			21.00
111	410112	Nguyễn Thị Thảo Chi	21/09/2010	7.0	7.5	9.0			23.50
112	410113	Nguyễn Thị Thùy Chi	01/02/2010	9.0	8.5	9.4			26.90
113	410114	Nguyễn Vũ Hà Chi	06/11/2010	6.25	7.5	4.6			18.35
114	410115	Phạm Diệp Chi	10/12/2010	8.5	7.5	8.2			24.20
115	410116	Phạm Mai Chi	02/01/2010	6.25	7.25	9.6		0.5	23.60
116	410117	Phạm Thị Khánh Chi	17/06/2010	8.0	7.25	7.6			22.85
117	410118	Trần Hoàng Mai Chi	07/06/2010	7.75	7.75	9.0			24.50
118	410119	Trương Thùy Mai Chi	21/11/2010	7.75	7.25	8.2			23.20
119	410120	Vũ Quỳnh Chi	15/07/2010	7.5	6.25	7.2			20.95
120	410121	Nguyễn Đình Chiến	03/12/2008	0.0	2.25	1.2			3.45

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
121	410122	Nguyễn Đức Chiến	18/03/2010	0.5	1.0	2.8			4.30
122	410123	Vũ Minh Chiến	04/04/2010	5.75	6.0	4.2			15.95
123	410124	Nguyễn Quang Chiểu	15/01/2010	8.25	7.25	9.4			24.90
124	410125	Nguyễn Doãn Chủ	01/05/2010	9.75	7.5	8.8			26.05
125	410126	Nguyễn Phúc Chương	21/07/2010	7.5	6.5	8.8			22.80
126	410127	Nguyễn Ngọc Công	08/08/2010	8.75	7.75	5.0	1.5		23.00
127	410128	Nguyễn Thành Công	04/12/2010	7.75	7.0	9.2			23.95
128	410129	Nguyễn Thành Công	29/11/2010	7.75	5.75	5.6			19.10
129	410130	Bùi Hùng Cường	06/01/2010	7.25	8.0	9.6			24.85
130	410131	Đổng Nguyễn Viết Cường	04/03/2010	8.25	6.5	6.4			21.15
131	410132	Nguyễn Đức Cường	30/05/2010	1.0	5.75	3.2			9.95
132	410133	Nguyễn Hùng Cường	19/05/2010	1.25	3.75	3.0			8.00
133	410134	Nguyễn Việt Cường	20/11/2010	3.0	5.75	3.4			12.15
134	410135	Phạm Quốc Cường	23/05/2010	5.0	4.25	2.2			11.45
135	410136	Vũ Mạnh Cường	09/08/2010	7.5	6.5	7.4			21.40
136	410137	Vũ Tiến Cường	08/10/2010	8.75	7.25	8.4			24.40
137	410138	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	07/12/2010	8.0	8.25	7.6			23.85
138	410139	Nguyễn Ngọc Diệp	09/02/2010	8.5	7.75	9.0			25.25
139	410140	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	09/01/2010	7.5	8.0	6.8			22.30
140	410141	Nguyễn Thị Huyền Diệu	03/03/2010	7.0	7.25	6.4			20.65
141	410142	Phạm Hương Dịu	07/02/2010	7.25	8.25	9.6			25.10
142	410144	Nguyễn Thị Minh Dung	14/07/2010	6.5	7.5	5.4			19.40
143	410145	Nguyễn Văn Dung	01/09/2010	8.0	7.75	9.4			25.15
144	410146	Đặng Tiến Dũng	10/12/2010	8.5	7.75	9.0			25.25
145	410147	Nguyễn Anh Dũng	12/01/2010	6.75	7.25	8.0			22.00
146	410148	Nguyễn Doãn Trung Dũng	19/05/2010	4.75	6.25	8.2			19.20
147	410149	Nguyễn Đức Dũng	08/05/2010	4.25	3.75	2.6			10.60
148	410150	Nguyễn Đức Dũng	11/04/2010	0.0	3.25	3.0			6.25
149	410151	Nguyễn Trung Dũng	03/03/2010	2.5	6.5	5.0			14.00
150	410152	Nguyễn Trung Dũng	16/10/2008	0.0	2.0	3.8			5.80
151	410153	Phạm Tấn Dũng	17/06/2010	7.75	6.25	5.0	1.5		20.50
152	410154	Nguyễn Đức Duy	19/08/2010	4.5	6.25	6.4			17.15
153	410155	Nguyễn Tiến Duy	02/02/2010	7.75	6.5	8.8			23.05
154	410156	Trần Nam Duy	05/08/2010	6.0	6.5	7.6			20.10
155	410157	Vũ Khương Duy	28/03/2010	8.25	7.75	8.8			24.80
156	410158	Vũ Ngọc Duy	29/06/2010	9.0	7.25	9.0			25.25
157	410159	Trần Thị Mỹ Duyên	06/10/2009	4.25	6.0	4.6			14.85
158	410160	Đào Thị Thùy Dương	02/07/2010	7.0	8.25	7.4			22.65
159	410161	Đỗ Tùng Dương	01/01/2010	7.25	7.5	8.4			23.15
160	410162	Nguyễn Ánh Dương	07/02/2010	6.0	7.5	6.0			19.50

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1

Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
161	410163	Nguyễn Bạch Dương	09/09/2010	6.5	6.75	9.2			22.45
162	410164	Nguyễn Đăng Dương	14/10/2010	0.5	7.0	4.0			11.50
163	410165	Nguyễn Đức Hải Dương	07/07/2010	6.75	7.5	9.6			23.85
164	410166	Nguyễn Hà Dương	09/12/2010	8.5	7.0	9.4			24.90
165	410167	Nguyễn Thị Thùy Dương	31/07/2010	9.0	7.5	9.0			25.50
166	410168	Nguyễn Thị Thùy Dương	05/10/2010	7.0	8.0	7.6			22.60
167	410169	Nguyễn Thiên Dương	26/12/2010	8.0	7.0	10.0			25.00
168	410170	Nguyễn Thùy Dương	30/05/2010	8.25	7.5	7.8			23.55
169	410171	Nguyễn Tùng Dương	11/09/2010	6.75	7.0	7.0	1.5		22.25
170	410172	Nguyễn Tùng Dương	25/11/2010	0.75	5.5	3.4			9.65
171	410173	Nguyễn Văn Dương	05/09/2009	0.0	1.25	2.2			3.45
172	410174	Hoàng Văn Tiến Đại	01/04/2010	2.5	5.25	3.4			11.15
173	410175	Nguyễn Doãn Đại	30/04/2010	4.0	6.5	4.6			15.10
174	410176	Nguyễn Hữu Đại	09/07/2010	8.25	7.5	9.6			25.35
175	410177	Trần Minh Đại	17/11/2010	7.0	6.25	7.4			20.65
176	410178	Trần Văn Đại	26/03/2010	6.25	6.75	7.2			20.20
177	410179	Vũ Bảo Đại	11/10/2010	1.0	4.75	3.4			9.15
178	410180	Trịnh Đan Đan	04/05/2010	6.0	6.75	8.4			21.15
179	410181	Hà Văn Đạt	12/08/2010	6.25	5.5	3.2			14.95
180	410182	Hoàng Xuân Đạt	27/08/2010	8.0	7.25	7.6			22.85
181	410183	Nguyễn Tiến Đạt	30/05/2010	6.0	7.25	6.2			19.45
182	410184	Nguyễn Xuân Đạt	04/04/2010	7.75	8.25	9.8			25.80
183	410185	Phạm Quang Đạt	09/09/2010	1.25	5.25	2.6			9.10
184	410186	Phạm Quốc Đạt	28/08/2010	6.75	5.25	6.2			18.20
185	410187	Phạm Tiến Đạt	05/11/2010	7.75	7.25	9.2			24.20
186	410188	Phạm Tiến Đạt	25/07/2010	7.0	7.5	8.6			23.10
187	410189	Trương Tiến Đạt	16/07/2010	8.5	7.75	9.4			25.65
188	410190	Vũ Thành Đạt	29/04/2010	7.75	7.0	9.0			23.75
189	410191	Nguyễn Công Đăng	29/05/2010	7.75	5.0	4.2			16.95
190	410192	Nguyễn Hải Đăng	29/01/2010	9.0	7.0	8.4			24.40
191	410193	Trịnh Đức Hải Đăng	26/08/2010	7.5	7.5	8.4			23.40
192	410194	Nguyễn Vũ Ngọc Diệp	10/10/2010	6.0	6.75	3.0			15.75
193	410195	Vũ Văn Đô	08/05/2009	0.0	0.25	2.8			3.05
194	410196	Đoàn Huy Đông	24/08/2010	8.25	7.25	9.8			25.30
195	410197	Phạm Nhất Đông	24/05/2010	8.0	7.0	8.0			23.00
196	410198	Phạm Thành Đông	20/06/2010	0.0	2.75	2.2			4.95
197	410199	Bùi Minh Đức	06/01/2010	7.5	8.0	9.4			24.90
198	410200	Nguyễn Duy Đức	16/08/2010	3.25	6.75	4.4			14.40
199	410201	Nguyễn Minh Đức	04/02/2010	8.5	7.25	9.2			24.95
200	410202	Nguyễn Minh Đức	04/10/2010	8.5	6.5	9.8			24.80

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1

Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
201	410203	Nguyễn Văn Đức	24/10/2010	0.0	3.25	1.8			5.05
202	410204	Nguyễn Văn Đức	30/07/2010	4.5	6.0	3.2			13.70
203	410205	Nguyễn Việt Đức	08/10/2010	6.75	6.5	5.6			18.85
204	410206	Phạm Anh Đức	04/11/2010	0.5	1.75	4.0			6.25
205	410207	Phạm Anh Đức	28/11/2010	7.0	7.25	8.2			22.45
206	410208	Phạm Hồng Đức	29/01/2010	9.5	7.25	6.6			23.35
207	410209	Đặng Thị Trà Giang	17/10/2010	7.75	8.0	9.8			25.55
208	410210	Đặng Trà Giang	11/10/2010	3.75	7.0	4.6			15.35
209	410211	Đoàn Trường Giang	07/07/2010	7.75	7.25	7.6			22.60
210	410212	Đồng Thị Hương Giang	09/03/2010	6.75	7.75	9.0			23.50
211	410213	Mai Trường Giang	27/09/2010	7.0	7.25	8.8			23.05
212	410214	Nguyễn Hà Giang	12/05/2010	3.5	6.75	3.8			14.05
213	410215	Nguyễn Ngân Giang	29/12/2010	6.5	8.25	8.8			23.55
214	410216	Nguyễn Thị Hương Giang	22/04/2010	6.25	7.25	8.2			21.70
215	410218	Trịnh Bảo Hương Giang	22/11/2010	6.5	7.75	9.4			23.65
216	410219	Vũ Thị Thanh Giang	26/12/2010	6.0	7.5	6.2			19.70
217	410220	Đàm Văn Mạnh Hà	27/10/2010	6.5	6.75	8.4			21.65
218	410221	Lưu Thị Hiền Hà	28/11/2010	5.5	8.25	8.4			22.15
219	410222	Nguyễn Hồng Hà	12/11/2010	3.25	5.25	2.8			11.30
220	410223	Nguyễn Ngọc Hà	08/08/2010	7.25	7.75	6.2			21.20
221	410224	Nguyễn Ngọc Hà	27/08/2010	8.75	7.0	9.4			25.15
222	410225	Nguyễn Thị Thu Hà	08/12/2010	8.5	7.75	9.6			25.85
223	410226	Nguyễn Thị Thu Hà	23/05/2010	6.25	7.0	9.6			22.85
224	410227	Phạm Khánh Hà	13/10/2010	8.25	7.25	8.2			23.70
225	410228	Vũ Ngọc Hà	06/11/2010	7.75	7.0	9.4			24.15
226	410229	Đỗ Hoàng Hải	08/11/2010	1.5	4.0	2.8			8.30
227	410230	Hoàng Trung Hải	07/11/2010	3.5	5.75	3.6			12.85
228	410231	Nguyễn Đặng Hoàng Hải	24/02/2010	7.5	7.75	9.2			24.45
229	410232	Nguyễn Đức Hải	30/05/2010	6.25	6.5	9.0			21.75
230	410233	Nguyễn Minh Hải	06/07/2010	7.5	6.75	9.6			23.85
231	410234	Nguyễn Ngọc Hải	07/02/2010	7.0	7.75	6.4			21.15
232	410235	Nguyễn Ngọc Hải	26/01/2010	8.0	7.0	5.8			20.80
233	410236	Phạm Ngọc Hải	28/04/2010	7.0	7.0	6.6			20.60
234	410237	Trần Thanh Hải	23/10/2010	9.0	7.5	9.6			26.10
235	410238	Trần Trung Hải	04/09/2010	7.0	8.25	6.4			21.65
236	410239	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	30/12/2010	7.75	8.5	8.8			25.05
237	410240	Đặng Thị Thu Hằng	09/06/2010	7.75	8.25	8.6			24.60
238	410241	Đoàn Thị Minh Hằng	08/12/2010	6.0	7.5	7.4			20.90
239	410242	Đỗ Minh Hằng	12/11/2010	4.25	6.5	4.2			14.95
240	410243	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	28/10/2010	7.75	7.5	8.4			23.65

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	UT	KK	Tổng điểm
241	410244	Nguyễn Thị Thúy Hằng	13/03/2010	6.0	7.0	6.4			19.40
242	410245	Nguyễn Thu Hằng	03/08/2010	7.0	7.25	8.8			23.05
243	410246	Phạm Thị Hằng	26/12/2010	2.25	6.75	3.8			12.80
244	410247	Phùng Thị Thúy Hằng	10/12/2010	3.0	5.5	3.2			11.70
245	410248	Phùng Thu Hằng	22/07/2010	7.75	8.0	7.8			23.55
246	410249	Trần Thị Minh Hằng	12/09/2010	8.5	8.0	7.4			23.90
247	410250	Vũ Minh Hằng	06/11/2010	8.5	8.0	9.2			25.70
248	410251	Vũ Minh Hằng	09/09/2010	7.0	7.25	7.6			21.85
249	410252	Vũ Thị Minh Hằng	26/12/2010	4.75	6.75	3.4			14.90
250	410253	Ngô Đình Ngọc Hân	30/09/2010	7.75	7.5	9.6			24.85
251	410254	Nguyễn Ngọc Hân	28/12/2010	7.0	6.75	8.0			21.75
252	410255	Nguyễn Ngọc Gia Hân	03/12/2010	6.0	6.75	7.2			19.95
253	410256	Nguyễn Thị Ngọc Hân	22/01/2010	7.5	7.5	5.6			20.60
254	410257	Phạm Ngọc Hân	09/11/2010	8.0	7.75	10.0			25.75
255	410258	Phạm Văn Hân	13/12/2010	0.5	4.25	2.6			7.35
256	410259	Nguyễn Mai Hậu	22/01/2010	7.75	6.75	8.8			23.30
257	410260	Lê Thu Hiền	24/08/2010	6.5	7.5	8.2			22.20
258	410261	Nguyễn Thảo Hiền	20/08/2010	7.0	8.25	9.0			24.25
259	410262	Nguyễn Thị Hiền	15/12/2010	4.25	7.0	4.6			15.85
260	410263	Nguyễn Thị Thảo Hiền	19/12/2010	7.0	8.5	5.4			20.90
261	410264	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/08/2010	8.5	7.0	9.4			24.90
262	410265	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/11/2010	6.0	7.5	4.8			18.30
263	410266	Phạm Thu Hiền	16/01/2010	7.5	8.25	9.0			24.75
264	410267	Trần Thị Thu Hiền	08/09/2010	5.0	7.5	5.0			17.50
265	410268	Vũ Thị Thanh Hiền	25/05/2010	7.0	6.5	8.4			21.90
266	410269	Vũ Thu Hiền	13/01/2010	8.25	7.25	8.6			24.10
267	410270	Đỗ Danh Hiền	10/08/2010	7.25	7.25	7.2			21.70
268	410271	Nguyễn Thế Hiền	14/08/2010	2.25	6.5	5.2			13.95
269	410272	Nguyễn Vinh Hiền	09/02/2010	8.0	6.75	4.8			19.55
270	410273	Phạm Minh Hiền	10/10/2010	8.0	7.75	9.0			24.75
271	410274	Trần Minh Hiền	18/12/2010	8.25	7.25	7.8			23.30
272	410275	Nguyễn Đình Hiệp	07/06/2010	3.75	5.5	4.2			13.45
273	410276	Phùng Duy Hiệp	25/03/2010	7.75	7.0	9.4			24.15
274	410277	Nguyễn Thiện Hiếu	25/11/2010	7.0	6.75	6.2			19.95
275	410278	Nguyễn Trung Hiếu	25/10/2010	8.5	7.5	8.6			24.60
276	410279	Phạm Trung Hiếu	26/07/2010	7.0	6.75	8.8			22.55
277	410280	Phan Minh Hiếu	19/07/2010	8.0	7.5	9.4			24.90
278	410281	Vũ Trung Hiếu	14/08/2010	8.25	7.0	8.0			23.25
279	410282	Nguyễn Văn Hiệu	30/11/2010	6.5	7.75	6.0			20.25
280	410283	Nguyễn Thị Hoa	20/02/2010	7.5	7.25	6.4			21.15

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
281	410284	Nguyễn Thị Mai Hoa	08/12/2010	7.75	7.75	8.2			23.70
282	410285	Phạm Thị Quỳnh Hoa	09/11/2010	7.75	7.25	9.8			24.80
283	410286	Nguyễn Khánh Hòa	05/10/2010	8.5	8.0	9.4			25.90
284	410287	Nguyễn Thị Xuân Hòa	09/03/2010	8.75	7.75	8.4			24.90
285	410288	Nguyễn Việt Hòa	30/03/2010	7.5	7.25	9.4			24.15
286	410289	Phạm Thị Thu Hoài	14/05/2010	5.75	7.0	2.8			15.55
287	410290	Lê Huy Hoàng	27/06/2010	5.75	4.5	3.2			13.45
288	410291	Nguyễn Văn Huy Hoàng	08/02/2010	7.75	8.0	9.6			25.35
289	410292	Nguyễn Xuân Huy Hoàng	26/09/2010	7.25	6.75	8.0			22.00
290	410293	Phạm Huy Hoàng	27/01/2010	6.25	7.5	8.0			21.75
291	410294	Phạm Minh Hoàng	23/01/2010	9.0	7.5	9.8			26.30
292	410295	Phạm Thiên Hoàng	20/10/2010	7.75	7.25	7.0			22.00
293	410296	Bùi Thị Thanh Hồng	28/06/2010	6.75	7.25	9.4			23.40
294	410297	Đặng Minh Hùng	26/10/2010	7.0	7.5	6.6			21.10
295	410298	Đặng Phi Hùng	01/06/2010	3.25	5.75	3.6			12.60
296	410299	Đặng Quốc Hùng	02/09/2010	6.0	6.0	5.4			17.40
297	410300	Đoàn Việt Hùng	07/12/2010	7.5	7.0	7.4			21.90
298	410301	Nguyễn Chí Hùng	15/02/2010	7.5	7.25	6.2			20.95
299	410302	Nguyễn Duy Hùng	30/08/2010	3.25	6.25	3.0			12.50
300	410303	Nguyễn Mạnh Hùng	23/03/2010	1.5	4.0	2.4			7.90
301	410304	Nguyễn Thiên Quốc Hùng	29/11/2010	3.0	5.25	6.0			14.25
302	410305	Nguyễn Văn Hùng	18/04/2010	1.25	5.0	4.6			10.85
303	410306	Đỗ Gia Huy	09/11/2010	2.0	5.25	3.8			11.05
304	410307	Nguyễn Công Huy	07/01/2010	7.0	7.25	7.2			21.45
305	410308	Nguyễn Nghi Huy	29/09/2010	1.5	6.25	5.2			12.95
306	410309	Nguyễn Văn Huy	10/03/2010	0.0	3.75	2.6			6.35
307	410310	Phạm Minh Huy	29/11/2010	5.25	6.25	3.8			15.30
308	410311	Vũ Ngọc Huy	20/05/2010	2.25	5.0	3.0			10.25
309	410312	Đặng Thị Khánh Huyền	11/06/2010	7.25	8.25	8.0			23.50
310	410313	Nguyễn Phương Khánh Huyền	14/10/2010	6.75	7.75	6.4			20.90
311	410314	Nguyễn Thị Huyền	17/03/2010	7.5	7.25	9.8			24.55
312	410315	Nguyễn Thị Huyền	12/05/2009	0.0	4.5	3.0			7.50
313	410316	Nguyễn Thị Khánh Huyền	28/05/2010	7.75	7.0	5.6			20.35
314	410317	Nguyễn Thị Khánh Huyền	28/07/2010	7.5	6.5	9.0			23.00
315	410318	Phạm Khánh Huyền	08/12/2010	8.0	6.75	9.6			24.35
316	410319	Đỗ Trọng Tuấn Hưng	03/02/2010	9.0	7.5	9.0			25.50
317	410320	Nguyễn Duy Hưng	06/05/2010	8.5	6.75	8.4			23.65
318	410321	Nguyễn Đức Hưng	29/05/2010	7.25	6.5	7.4			21.15
319	410322	Nguyễn Phạm Tuấn Hưng	20/12/2010	0.0	5.5	2.8			8.30
320	410323	Nguyễn Thế Duy Hưng	06/11/2010	4.5	7.0	5.6			17.10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
321	410324	Nguyễn Trọng Hưng	02/04/2010	7.5	5.5	5.6			18.60
322	410325	Nguyễn Tuấn Hưng	19/09/2010	0.0	1.75	2.6			4.35
323	410326	Phạm Khánh Hưng	31/10/2010	7.25	6.25	4.6			18.10
324	410327	Phạm Quang Hưng	02/02/2010	7.25	6.75	8.6			22.60
325	410328	Phạm Tiến Hưng	01/04/2010	9.0	7.0	9.4			25.40
326	410329	Bùi Lan Hương	15/09/2010	8.5	7.5	9.4			25.40
327	410330	Nguyễn Mai Hương	01/10/2010	7.25	7.0	5.8			20.05
328	410331	Nguyễn Thanh Hương	31/05/2010	7.25	6.25	8.8			22.30
329	410332	Phạm Minh Hương	19/10/2010	7.75	8.25	9.6			25.60
330	410333	Vũ Mai Hương	11/03/2010	7.5	7.5	8.4			23.40
331	410334	Ngô Thuý Hường	24/04/2010	2.5	4.25	3.2			9.95
332	410335	Nguyễn Thị Hường	22/03/2010	7.25	7.25	6.6			21.10
333	410336	Nguyễn Thu Hường	21/01/2010	8.5	7.5	8.6			24.60
334	410337	Trần Thị Thu Hường	13/04/2010	7.5	7.25	9.2			23.95
335	410338	Vũ Mạnh Hữu	12/10/2010	3.25	6.0	4.0			13.25
336	410339	Nguyễn Thành Khang	20/03/2010	7.25	7.25	8.2			22.70
337	410340	Phạm Nguyên Khang	02/08/2010	7.0	7.0	7.0			21.00
338	410341	Nguyễn Bảo Khánh	16/05/2010	7.5	6.25	9.0			22.75
339	410342	Nguyễn Duy Khánh	29/08/2010	2.0	5.75	4.8			12.55
340	410343	Nguyễn Gia Khánh	22/02/2010	1.5	5.0	4.0			10.50
341	410344	Nguyễn Ngọc Khánh	07/04/2010	4.75	7.0	5.6			17.35
342	410345	Nguyễn Trọng Khánh	13/08/2010	4.75	7.0	9.2			20.95
343	410346	Phạm Nam Khánh	24/03/2010	7.5	7.5	9.2			24.20
344	410347	Trần Việt Khánh	11/02/2010	8.0	8.0	9.8			25.80
345	410348	Vũ Đình Khánh	11/11/2010	8.5	6.75	8.2			23.45
346	410349	Vũ Hoàng Khánh	30/08/2010	7.5	7.5	7.8			22.80
347	410350	Đặng Đăng Khoa	22/02/2010	8.25	7.0	9.4			24.65
348	410351	Nguyễn Ngọc Khoa	28/09/2010	1.0	2.5	2.2			5.70
349	410352	Lê Minh Khôi	12/10/2009	3.75	6.25	3.6			13.60
350	410353	Nguyễn Phạm Minh Khôi	21/10/2010	9.0	7.75	8.6			25.35
351	410354	Phạm Anh Khôi	29/06/2010	8.0	7.5	9.8			25.30
352	410355	Phạm Minh Khôi	23/04/2010	7.75	8.0	8.0			23.75
353	410356	Bùi Đình Khuê	02/12/2010	0.75	4.0	3.2			7.95
354	410357	Nguyễn Huy Kiên	14/01/2010	6.75	5.75	4.2			16.70
355	410358	Nguyễn Hữu Kiên	18/11/2010	0.5	2.5	2.0			5.00
356	410359	Nguyễn Ngọc Kiên	10/01/2010	0.75	2.0	4.4			7.15
357	410360	Đặng Tuấn Kiệt	16/07/2010	6.0	7.0	5.6			18.60
358	410361	Trần Tuấn Kiệt	23/09/2010	8.0	7.5	8.4			23.90
359	410362	Ngô Thiên Kim	13/11/2010	6.75	7.0	6.8			20.55
360	410363	Nguyễn Thị Bảo Lam	20/08/2010	8.5	6.75	9.0			24.25

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
361	410364	Nguyễn Mai Lan	31/08/2010	6.0	7.25	3.8			17.05
362	410365	Nguyễn Thị Ngọc Lan	08/07/2010	7.75	7.5	9.4			24.65
363	410366	Lê Phương Lâm	12/09/2010	8.0	7.75	8.8			24.55
364	410367	Mai Văn Lâm	08/07/2010	7.75	7.0	6.8			21.55
365	410368	Nguyễn Dương Lâm	22/12/2010	7.0	8.0	9.6			24.60
366	410369	Nguyễn Đức Lâm	05/11/2010	4.75	6.5	6.4			17.65
367	410370	Nguyễn Đức Lâm	28/02/2010	7.75	6.0	8.6			22.35
368	410371	Nguyễn Hoàng Lâm	24/10/2010	7.75	7.25	9.2			24.20
369	410372	Nguyễn Thành Lâm	24/01/2010	7.0	7.0	9.2			23.20
370	410373	Nguyễn Thị Tùng Lâm	08/09/2010	8.0	7.5	9.4			24.90
371	410374	Nguyễn Thiên Lâm	15/08/2010	5.75	6.5	3.8			16.05
372	410375	Nguyễn Trần Bảo Lâm	05/08/2010	8.75	7.5	9.0			25.25
373	410376	Nguyễn Tùng Lâm	25/11/2010	4.0	3.75	2.6			10.35
374	410377	Nguyễn Vũ Tùng Lâm	02/10/2010	8.0	6.75	6.6			21.35
375	410378	Phạm Thế Lâm	18/11/2010	8.75	6.5	8.4			23.65
376	410379	Phạm Tùng Lâm	01/08/2010	6.5	7.0	8.4			21.90
377	410380	Vũ Văn Quang Lê	07/08/2010	8.75	7.5	9.6			25.85
378	410381	Nguyễn Kim Liên	01/01/2010	4.5	7.0	4.6		0.5	16.60
379	410382	Bùi Thị Khánh Linh	27/06/2010	8.25	7.25	9.2			24.70
380	410383	Chu Thị Hà Linh	15/11/2010	7.75	7.75	7.6			23.10
381	410384	Đặng Mai Linh	20/06/2010	7.0	7.5	9.4			23.90
382	410385	Đặng Phương Linh	13/01/2010	5.75	7.25	6.0			19.00
383	410386	Đặng Thị Thùy Linh	05/08/2010	7.25	7.0	9.2			23.45
384	410387	Đoàn Gia Linh	26/10/2010	7.75	6.75	8.0			22.50
385	410388	Đoàn Khánh Linh	28/11/2010	8.0	7.5	8.0			23.50
386	410389	Đoàn Nguyễn Khánh Linh	21/10/2010	7.25	6.0	8.6			21.85
387	410390	Hoàng Diệu Linh	26/10/2010	8.25	7.25	8.2			23.70
388	410391	Hoàng Ngọc Linh	28/12/2010	7.5	7.5	6.0			21.00
389	410392	Lê Ngọc Linh	07/02/2010	7.0	7.5	9.4			23.90
390	410393	Nguyễn Diệu Linh	18/09/2010	7.0	7.75	8.0			22.75
391	410394	Nguyễn Hạnh Linh	27/11/2010	7.0	7.75	9.2			23.95
392	410395	Nguyễn Hoàng Linh	23/08/2010	7.0	7.75	7.2			21.95
393	410396	Nguyễn Khánh Linh	01/02/2010	8.5	7.75	8.4			24.65
394	410397	Nguyễn Khánh Linh	21/08/2010	6.5	7.5	4.2			18.20
395	410398	Nguyễn Khánh Linh	31/08/2010	7.5	7.25	6.2			20.95
396	410399	Nguyễn Ngọc Phương Linh	06/06/2010	6.75	7.5	9.0			23.25
397	410400	Nguyễn Ngọc Phương Linh	10/05/2010	7.25	7.5	7.8			22.55
398	410401	Nguyễn Phạm Kiều Linh	24/01/2010	1.25	5.0	2.8			9.05
399	410402	Nguyễn Phương Linh	22/12/2010	5.75	6.75	5.8			18.30
400	410403	Nguyễn Phương Linh	09/05/2010	8.75	7.75	8.4			24.90

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
401	410404	Nguyễn Thị Hà Linh	18/10/2009	7.75	8.25	7.8			23.80
402	410405	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/12/2009	5.25	4.75	2.4			12.40
403	410406	Nguyễn Thị Phương Linh	28/01/2010	7.75	7.5	7.4			22.65
404	410407	Nguyễn Thùy Linh	20/09/2010	7.5	8.25	9.8			25.55
405	410408	Nguyễn Thùy Linh	24/06/2010	8.25	8.25	5.8			22.30
406	410409	Nguyễn Văn Linh	25/09/2010	0.75	5.0	2.6			8.35
407	410410	Phạm Ngọc Khánh Linh	04/11/2010	3.25	7.75	4.0			15.00
408	410411	Phạm Phương Linh	01/07/2010	6.5	7.0	8.6			22.10
409	410412	Quách Nhã Linh	11/07/2010	5.5	7.0	6.8	1.0		20.30
410	410413	Trần Khánh Linh	07/12/2010	7.75	7.5	6.6			21.85
411	410414	Trần Khánh Linh	04/07/2010	5.75	7.5	7.2			20.45
412	410415	Trần Thùy Linh	27/09/2010	5.75	6.0	6.2			17.95
413	410416	Trương Nguyễn Thùy Linh	05/09/2010	8.5	7.5	2.8			18.80
414	410417	Vũ Hà Linh	12/04/2010	8.25	7.5	7.4			23.15
415	410418	Vũ Hoàng Linh	25/05/2010	7.5	7.5	6.4			21.40
416	410419	Vũ Thi Phương Linh	17/06/2010	8.0	7.5	7.8			23.30
417	410420	Đàm Thu Loan	25/12/2010	6.75	6.75	5.4			18.90
418	410421	Nguyễn Thị Phương Loan	13/03/2010	8.5	7.75	8.6			24.85
419	410422	Đặng Trần Tuấn Long	23/08/2010	2.75	5.5	1.6			9.85
420	410423	Đoàn Ka Long	08/03/2010	8.0	7.25	7.8			23.05
421	410424	Nguyễn Doãn Long	27/10/2010	0.5	5.0	2.6			8.10
422	410425	Nguyễn Hải Long	26/06/2010	7.0	6.75	9.2			22.95
423	410426	Nguyễn Hữu Long	16/05/2010	7.0	6.25	8.8			22.05
424	410427	Nguyễn Ngọc Long	01/10/2010	7.75	6.0	8.6			22.35
425	410428	Nguyễn Nhật Long	22/04/2010	0.25	3.5	3.8			7.55
426	410429	Nguyễn Quang Long	17/01/2010	1.0	2.5	2.6			6.10
427	410430	Nguyễn Thành Long	22/01/2010	5.75	5.75	4.6			16.10
428	410431	Phạm Đức Long	11/06/2010	8.75	7.75	10.0			26.50
429	410432	Vũ Nguyễn Duy Long	26/02/2010	7.0	6.25	6.8			20.05
430	410433	Đặng Đức Lương	15/07/2010	5.25	6.75	3.8			15.80
431	410434	Phạm Khắc Lương	12/06/2010	8.25	6.75	9.0			24.00
432	410435	Đặng Phương Ly	03/11/2010	7.5	7.25	5.0			19.75
433	410436	Nguyễn Khánh Ly	06/10/2010	7.25	7.25	9.4			23.90
434	410437	Nguyễn Khánh Ly	26/01/2010	6.5	7.75	8.6			22.85
435	410438	Nguyễn Thị Ngọc Ly	30/10/2010	4.25	5.0	5.2			14.45
436	410439	Nguyễn Yến Kiều Ly	25/08/2010	7.25	7.75	6.6			21.60
437	410440	Phạm Đoàn Khánh Ly	23/08/2010	7.0	7.75	7.6			22.35
438	410441	Lê Thị Ngọc Mai	14/02/2010	7.75	7.75	9.6			25.10
439	410442	Nguyễn Ngọc Quỳnh Mai	18/06/2010	0.5	6.25	2.0			8.75
440	410443	Nguyễn Thị Mai	22/04/2010	8.5	7.5	8.6			24.60

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	UT	KK	Tổng điểm
441	410444	Nguyễn Thị Hương Mai	30/03/2010	6.75	7.5	6.0			20.25
442	410445	Nguyễn Thị Thanh Mai	10/02/2010	2.0	7.5	4.2			13.70
443	410446	Nguyễn Thị Tuyết Mai	14/07/2010	6.75	7.5	4.4			18.65
444	410447	Phạm Thị Hồng Mai	07/04/2010	7.5	8.25	9.8			25.55
445	410448	Phạm Xuân Mai	11/11/2010	8.0	7.5	8.2			23.70
446	410449	Trần Tuyết Mai	11/03/2010	4.75	7.0	5.8			17.55
447	410450	Trương Nguyễn Chi Mai	18/05/2010	7.0	7.5	8.8			23.30
448	410451	Vũ Thị Ngọc Mai	16/02/2010	5.25	6.5	4.0			15.75
449	410452	Vương Tường Mai	02/09/2010	6.25	7.5	6.2			19.95
450	410453	Lê Tiến Mạnh	06/08/2010	6.5	6.0	4.6			17.10
451	410454	Nguyễn Tấn Mạnh	04/05/2010	0.75	5.25	1.8			7.80
452	410455	Nguyễn Tiến Mạnh	26/09/2010	0.25	3.75	3.0			7.00
453	410456	Đặng Thị Hà Mi	09/08/2010	7.0	7.0	4.0			18.00
454	410457	Bùi Tiến Minh	18/01/2010	8.5	7.5	9.0			25.00
455	410458	Đặng Thái Minh	05/10/2010	2.0	5.0	2.6			9.60
456	410459	Đặng Tiến Minh	11/11/2010	8.5	7.5	10.0			26.00
457	410460	Đoàn Quang Minh	31/07/2010	7.5	6.75	7.6			21.85
458	410461	Lê Hoàng Minh	31/01/2010	8.0	6.75	9.4			24.15
459	410462	Nguyễn Bình Minh	06/08/2010	8.75	7.75	7.6			24.10
460	410463	Nguyễn Công Minh	29/06/2010	7.25	8.0	7.2			22.45
461	410464	Nguyễn Hiền Minh	11/06/2010	7.75	7.5	8.6			23.85
462	410465	Nguyễn Hữu Minh	18/11/2010	1.0	4.0	2.2			7.20
463	410466	Nguyễn Ngọc Minh	26/05/2010	7.5	7.75	9.8			25.05
464	410467	Nguyễn Nhật Minh	15/01/2010	7.5	8.0	5.8			21.30
465	410468	Nguyễn Thị Ngọc Minh	23/07/2010	8.5	8.25	9.4			26.15
466	410469	Nguyễn Thị Ngọc Minh	07/08/2010	6.25	7.5	7.2			20.95
467	410470	Nguyễn Văn Bình Minh	19/05/2010	8.0	7.5	8.6			24.10
468	410471	Phạm Quang Minh	19/09/2010	8.0	7.25	8.2			23.45
469	410472	Nguyễn Hà My	03/02/2010	7.75	8.0	9.6			25.35
470	410473	Nguyễn Thị Trà My	05/06/2010	6.75	7.5	8.4			22.65
471	410474	Nguyễn Trà My	05/03/2010	7.75	7.75	7.2			22.70
472	410475	Nguyễn Trà My	21/12/2010	8.5	7.75	8.6			24.85
473	410476	Trần Vũ Trà My	11/08/2010	6.5	8.0	5.4			19.90
474	410477	Đặng Hải Nam	14/07/2010	7.5	6.0	5.4			18.90
475	410478	Đặng Ngọc Hà Nam	11/12/2010	5.5	6.25	4.4			16.15
476	410479	Nguyễn Bảo Nam	03/08/2010	8.25	7.25	7.2			22.70
477	410480	Nguyễn Trường Nam	03/09/2010	8.75	7.75	8.8			25.30
478	410481	Phạm Bảo Nam	27/07/2010	6.25	6.75	3.2			16.20
479	410482	Phạm Quang Nam	11/08/2010	7.5	6.75	7.0			21.25
480	410483	Đào Quỳnh Nga	13/03/2010	7.75	8.25	9.8			25.80

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
481	410484	Nguyễn Phương Nga	21/06/2010	6.5	7.25	7.0			20.75
482	410485	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	17/01/2010	5.5	6.75	4.2			16.45
483	410486	Vũ Quỳnh Nga	20/10/2010	3.25	6.75	4.6			14.60
484	410487	Bùi Thị Kim Ngân	09/07/2010	6.5	8.0	8.0			22.50
485	410488	Đỗ Thị Kim Ngân	17/03/2010	8.25	8.25	8.8			25.30
486	410489	Ngô Thị Kim Ngân	21/04/2010	7.0	8.0	8.2			23.20
487	410490	Nguyễn Khánh Ngân	24/10/2010	7.0	7.5	7.4			21.90
488	410491	Nguyễn Phương Ngân	13/01/2010	7.25	7.5	7.4			22.15
489	410492	Nguyễn Thanh Ngân	04/11/2010	3.75	8.0	6.2			17.95
490	410493	Nguyễn Thảo Ngân	15/01/2010	7.5	7.5	9.4			24.40
491	410494	Nguyễn Thị Ánh Ngân	27/08/2010	7.5	7.0	6.8			21.30
492	410495	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/09/2010	7.5	7.75	8.4			23.65
493	410496	Nguyễn Thị Kim Ngân	18/03/2010	7.0	7.25	8.4			22.65
494	410497	Nguyễn Thị Kim Ngân	13/08/2010	7.0	7.0	7.0			21.00
495	410498	Nguyễn Thị Phương Ngân	29/06/2010	8.75	8.0	9.2			25.95
496	410499	Nguyễn Thị Thanh Ngân	05/02/2010	9.0	7.0	5.6			21.60
497	410500	Nguyễn Thị Thu Ngân	25/09/2010	6.75	7.25	9.8			23.80
498	410501	Phạm Kim Ngân	24/07/2010	7.25	7.0	5.4			19.65
499	410502	Phạm Thị Kim Ngân	16/08/2010	7.0	6.75	5.6			19.35
500	410503	Vũ Kim Ngân	07/02/2010	5.75	6.25	2.4			14.40
501	410504	Lê Trọng Nghĩa	08/05/2010	7.25	7.25	6.4			20.90
502	410505	Nguyễn Minh Nghĩa	24/10/2010	3.75	6.25	3.2			13.20
503	410506	Nguyễn Tuấn Nghĩa	06/10/2010	6.25	6.5	9.0			21.75
504	410507	Đoàn Thị Khánh Ngọc	27/06/2010	8.5	7.5	8.8			24.80
505	410508	Kiều Bảo Ngọc	25/10/2010	7.25	7.25	4.6			19.10
506	410509	Nguyễn Hồng Ngọc	18/12/2010	7.0	7.0	5.4			19.40
507	410510	Nguyễn Khánh Ngọc	21/04/2010	7.0	7.75	7.8			22.55
508	410511	Nguyễn Khánh Ngọc	26/06/2010	8.75	6.75	9.4			24.90
509	410512	Nguyễn Minh Ngọc	20/03/2010	8.5	7.75	9.4			25.65
510	410513	Nguyễn Minh Ngọc	24/03/2010	8.75	7.75	9.8			26.30
511	410514	Nguyễn Minh Ngọc	14/01/2010	5.75	7.25	8.4			21.40
512	410515	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	11/12/2010	7.25	8.0	8.2			23.45
513	410516	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	07/08/2010	8.25	7.75	7.8			23.80
514	410517	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/02/2010	5.25	6.5	5.0	1.5		18.25
515	410518	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	30/12/2010	7.75	7.75	8.8			24.30
516	410519	Nguyễn Thị Minh Ngọc	14/01/2010	7.5	7.75	9.0			24.25
517	410520	Phạm Bảo Ngọc	10/06/2010	4.5	7.0	3.2			14.70
518	410521	Phạm Tuyết Ngọc	15/10/2010	0.5	5.75	2.4			8.65
519	410522	Trần Thị Ánh Ngọc	04/07/2010	7.25	7.5	8.8			23.55
520	410523	Vũ Thị Khánh Ngọc	18/01/2010	7.25	7.75	7.4			22.40

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1

Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	UT	KK	Tổng điểm
521	410524	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	08/10/2010	8.25	7.25	9.4			24.90
522	410525	Mai Thanh Nhân	30/11/2010	8.5	7.25	8.0			23.75
523	410526	Nguyễn Thị Thanh Nhân	09/11/2010	5.25	6.25	4.0			15.50
524	410527	Nguyễn Thị Thanh Nhân	26/04/2010	7.5	7.25	6.2			20.95
525	410528	Phùng Thị Thanh Nhân	02/12/2010	6.5	7.25	8.0			21.75
526	410529	Nguyễn Văn Nhân	27/10/2010	8.25	7.5	8.6			24.35
527	410530	Nguyễn Long Nhật	21/06/2010	1.25	5.5	1.8			8.55
528	410531	Hoàng Yến Nhi	17/07/2010	7.5	7.5	7.6			22.60
529	410532	Nguyễn Thị Hà Nhi	29/07/2010	7.0	7.25	7.8			22.05
530	410533	Nguyễn Thị Khánh Nhi	16/04/2010	8.5	7.25	9.6			25.35
531	410534	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	11/11/2010	6.5	7.5	6.6			20.60
532	410535	Nguyễn Thị Yến Nhi	23/07/2010	8.0	7.25	6.4			21.65
533	410536	Nguyễn Thị Yến Nhi	22/02/2010	7.25	7.5	7.6			22.35
534	410537	Phạm Thảo Nhi	16/10/2010	9.25	8.0	8.8			26.05
535	410538	Phạm Thúy Nhi	16/10/2010	9.0	7.25	8.6			24.85
536	410539	Hoàng Thị Hồng Nhung	27/07/2010	8.25	7.75	8.0			24.00
537	410540	Nguyễn Hồng Nhung	05/11/2010	6.5	7.5	5.8			19.80
538	410541	Nguyễn Mai Nhung	03/09/2010	8.0	7.25	5.8			21.05
539	410542	Nguyễn Thị Nhung	16/07/2010	7.25	7.25	7.4			21.90
540	410543	Nguyễn Thùy Nhung	16/12/2010	6.0	7.5	6.6			20.10
541	410544	Phạm Hồng Nhung	30/06/2010	6.5	7.25	9.6			23.35
542	410545	Trần Trang Nhung	24/03/2010	7.5	8.0	8.2			23.70
543	410546	Nguyễn Quỳnh Như	06/08/2010	3.0	6.0	2.8			11.80
544	410547	Nguyễn Đình Phát	06/07/2010	5.5	5.5	4.8			15.80
545	410548	Nguyễn Thiên Phát	25/01/2010	0.5	4.75	3.6			8.85
546	410549	Đào Lâm Phong	24/06/2010	1.0	3.25	2.4			6.65
547	410550	Đoàn Tiến Phong	19/11/2010	7.5	6.5	8.4			22.40
548	410551	Nguyễn Đức Phong	05/12/2010	6.25	6.25	7.2			19.70
549	410552	Nguyễn Nhật Phong	05/01/2010	7.25	6.75	9.0			23.00
550	410553	Nguyễn Thanh Phong	26/06/2010	7.25	7.5	8.0			22.75
551	410554	Nguyễn Tiến Phong	19/10/2010	6.0	6.75	4.0			16.75
552	410555	Nguyễn Tuấn Phong	27/04/2010	7.5	7.5	8.0			23.00
553	410556	Nguyễn Văn Tuấn Phong	04/10/2010	8.0	7.0	8.0			23.00
554	410557	Phạm Đăng Phong	05/11/2010	8.5	6.5	8.8			23.80
555	410558	Ngô Quang Phú	07/05/2010	6.25	6.5	5.0			17.75
556	410559	Ngô Xuân Phú	02/11/2010	8.0	6.25	6.6			20.85
557	410560	Nguyễn Ngọc Phú	03/11/2010	8.0	6.75	9.6			24.35
558	410561	Nguyễn Bảo Phúc	05/02/2010	7.75	7.0	7.6			22.35
559	410562	Nguyễn Hoàng Phúc	28/05/2010	6.0	7.25	5.2			18.45
560	410563	Nguyễn Ngọc Phúc	24/05/2010	7.5	6.5	6.0			20.00

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
561	410564	Nguyễn Ngọc Phúc	20/01/2009	3.75	4.75	5.0			13.50
562	410565	Phạm Cao Phúc	24/10/2010	6.25	7.25	9.0			22.50
563	410566	Bùi Thị Minh Phương	18/02/2009	5.5	6.75	3.6			15.85
564	410567	Đặng Mai Phương	25/01/2010	7.75	7.75	9.8			25.30
565	410568	Nguyễn Hà Phương	22/11/2010	7.25	7.75	9.6			24.60
566	410569	Nguyễn Hà Phương	16/09/2009	6.75	7.75	8.6			23.10
567	410570	Nguyễn Minh Phương	19/02/2010	7.25	8.25	9.6			25.10
568	410571	Nguyễn Ngọc Hà Phương	09/06/2010	7.75	8.0	8.6			24.35
569	410572	Nguyễn Ngọc Trúc Phương	05/03/2010	5.5	7.25	6.2			18.95
570	410573	Nguyễn Thị Phương	28/09/2010	9.0	8.5	9.4			26.90
571	410574	Nguyễn Thị Mai Phương	14/08/2010	8.25	8.5	9.8			26.55
572	410575	Phạm Nguyễn Lan Phương	25/09/2010	7.5	7.5	9.4			24.40
573	410576	Phạm Thị Hà Phương	13/11/2010	8.75	8.75	9.0			26.50
574	410577	Phạm Thu Phương	30/11/2010	6.0	7.5	8.0			21.50
575	410578	Phạm Vũ Mai Phương	07/11/2010	7.75	7.75	9.6			25.10
576	410579	Tăng Thu Phương	08/02/2010	9.0	7.5	8.4			24.90
577	410581	Nguyễn Đình Anh Quang	17/02/2010	7.25	7.5	7.8		1.0	23.55
578	410582	Đỗ Minh Quân	04/05/2010	1.5	4.75	3.2			9.45
579	410583	Nguyễn Kim Minh Quân	16/07/2010	8.75	7.25	7.0			23.00
580	410584	Nguyễn Mạnh Quân	29/01/2010	2.0	6.0	3.6			11.60
581	410585	Lê Anh Quốc	15/07/2010	0.0	3.75	2.4			6.15
582	410586	Nguyễn Văn Quốc	07/07/2010	9.0	6.75	7.4			23.15
583	410587	Phạm Minh Quyết	06/11/2010	4.0	5.25	3.0			12.25
584	410588	Đặng Như Quỳnh	25/02/2010	8.5	7.75	7.8			24.05
585	410589	Nguyễn Như Quỳnh	11/08/2010	5.75	8.0	6.8			20.55
586	410590	Trần Ngọc Quỳnh	19/04/2010	8.5	7.75	9.4			25.65
587	410591	Trần Thị Như Quỳnh	20/07/2010	5.25	6.5	4.2			15.95
588	410592	Đặng Anh Sơn	19/12/2010	6.25	7.5	6.8			20.55
589	410593	Đặng Minh Sơn	02/04/2010	9.25	7.0	8.8			25.05
590	410594	Nguyễn Bùi Thái Sơn	17/08/2010	0.0	2.0	2.8			4.80
591	410595	Nguyễn Hoàng Sơn	03/02/2010	7.0	6.25	9.2			22.45
592	410596	Nguyễn Ngọc Hải Sơn	01/06/2010	6.75	6.5	3.6			16.85
593	410597	Phạm Thái Sơn	13/06/2010	7.75	6.5	7.6			21.85
594	410598	Nguyễn Đắc Anh Tài	04/01/2010	8.0	6.5	7.2			21.70
595	410599	Nguyễn Hữu Anh Tài	31/01/2010	8.75	6.75	9.4			24.90
596	410600	Nguyễn Trọng Tài	23/05/2010	7.25	7.5	4.0			18.75
597	410601	Nguyễn Hoa Quỳnh Tâm	28/01/2010	7.75	7.5	9.4			24.65
598	410602	Nguyễn Thị Minh Tâm	20/02/2010	7.25	7.0	9.2			23.45
599	410603	Nguyễn Thị Thanh Tâm	26/05/2010	3.25	5.5	5.2			13.95
600	410604	Nguyễn Thị Thanh Tâm	29/01/2010	7.5	6.75	9.4			23.65

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
601	410605	Phùng Minh Tâm	21/05/2010	7.5	7.25	9.0			23.75
602	410606	Phạm Hồng Thái	20/05/2010	4.0	6.25	3.2			13.45
603	410607	Phạm Minh Thái	31/03/2010	7.75	6.75	7.4			21.90
604	410608	Chu Minh Thanh	03/09/2010	0.5	2.0	3.6			6.10
605	410609	Vũ Đào Phương Thanh	08/03/2010	7.25	7.5	8.6			23.35
606	410610	Đoàn Đức Thành	19/01/2010	7.0	7.5	9.2			23.70
607	410611	Nguyễn Tiến Thành	18/03/2010	8.25	6.75	8.0			23.00
608	410612	Nguyễn Xuân Thành	05/03/2010	5.5	6.25	5.6			17.35
609	410613	Trần Văn Thành	07/11/2010	0.5	4.0	2.4			6.90
610	410614	Đặng Thanh Thảo	13/02/2010	6.75	7.25	9.8			23.80
611	410615	Đặng Thu Thảo	17/08/2010	8.25	7.0	7.6			22.85
612	410616	Lê Đào Phương Thảo	30/05/2010	7.25	7.5	8.2			22.95
613	410617	Lê Phương Thảo	04/11/2010	7.25	7.75	7.0			22.00
614	410618	Nguyễn Phương Thảo	18/03/2010	9.0	7.75	8.6			25.35
615	410619	Phạm Mai Phương Thảo	06/07/2010	7.5	7.75	7.2			22.45
616	410620	Phạm Nguyễn Thu Thảo	03/07/2010	7.75	7.0	3.8			18.55
617	410621	Phạm Thị Phương Thảo	16/10/2010	6.0	7.5	8.0			21.50
618	410622	Trịnh Phương Thảo	31/07/2010	8.0	7.25	10.0			25.25
619	410623	Trịnh Phương Thảo	04/03/2010	3.25	5.75	4.2			13.20
620	410624	Vũ Thị Phương Thảo	07/08/2010	7.5	7.75	6.2			21.45
621	410625	Vũ Thị Phương Thảo	31/01/2010	5.25	7.5	6.0			18.75
622	410626	Vũ Thị Thanh Thảo	04/10/2010	0.5	4.25	4.0			8.75
623	410627	Nguyễn Hồng Thắm	23/04/2010	8.5	8.0	9.8			26.30
624	410628	Nguyễn Doãn Thắng	27/10/2010	1.25	5.25	3.0			9.50
625	410629	Nguyễn Chiến Thắng	09/12/2010	0.5	4.75	3.4			8.65
626	410630	Nguyễn Nam Thắng	15/11/2010	1.25	3.0	2.6			6.85
627	410631	Nguyễn Tùng Thắng	24/08/2010	6.25	6.0	2.4			14.65
628	410632	Phạm Đức Thắng	24/12/2010	7.0	6.75	6.6			20.35
629	410633	Đỗ Trọng Thiệp	31/08/2010	7.0	5.75	7.0			19.75
630	410634	Nguyễn Đức Thịnh	15/12/2010	1.0	4.5	2.4			7.90
631	410635	Nguyễn Tuấn Thịnh	27/12/2010	4.25	7.25	6.2			17.70
632	410636	Lương Thị Thơm	24/08/2010	3.25	5.25	2.6			11.10
633	410637	Nguyễn Phương Thu	22/10/2010	6.5	7.75	6.0			20.25
634	410638	Vũ Thị Minh Thu	30/09/2010	8.5	7.25	7.0			22.75
635	410639	Bùi Phương Thùy	19/03/2010	7.75	7.75	9.6			25.10
636	410640	Ngô Thị Phương Thùy	21/01/2010	6.5	7.75	8.4			22.65
637	410641	Vũ Thanh Thùy	04/10/2010	5.25	7.5	6.4			19.15
638	410642	Nguyễn Thị Minh Thúy	13/05/2010	8.25	7.5	9.0			24.75
639	410643	Nguyễn Thị Thanh Thúy	16/10/2010	3.0	7.5	3.4			13.90
640	410644	Nguyễn Thị Thanh Thúy	17/06/2010	7.5	7.5	7.8			22.80

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYỆN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
641	410645	Bùi Anh Thư	02/12/2010	7.0	7.0	8.8			22.80
642	410646	Đặng Anh Thư	24/06/2010	5.75	5.0	4.0			14.75
643	410647	Lê Thị Anh Thư	27/10/2010	8.0	7.75	9.6			25.35
644	410648	Nguyễn Hà Anh Thư	16/03/2010	6.75	8.0	6.8			21.55
645	410649	Nguyễn Thị Thùy Tiên	16/12/2010	9.0	7.0	9.8			25.80
646	410650	Nguyễn Trần Thùy Tiên	01/09/2010	5.5	6.75	7.8			20.05
647	410651	Bùi Quang Tiến	11/11/2010	8.0	7.0	9.4			24.40
648	410652	Nguyễn Đình Tiến	11/10/2010	0.0	2.75	1.6			4.35
649	410653	Nguyễn Hữu Tiến	13/07/2010	4.25	5.25	3.8			13.30
650	410654	Nguyễn Minh Tiến	29/10/2010	8.5	7.0	8.8			24.30
651	410655	Trần Quang Tiến	01/11/2010	8.0	6.75	8.0			22.75
652	410656	Trần Công Tiệp	26/03/2010	4.75	6.5	6.2			17.45
653	410657	Đặng Quang Toàn	15/02/2010	0.5	2.0	3.4			5.90
654	410658	Nguyễn Việt Toàn	17/05/2010	0.0	2.25	1.8			4.05
655	410659	Mai Phạm Đoàn Trang	10/01/2010	2.0	7.25	1.6			10.85
656	410660	Nguyễn Bảo Trang	07/12/2010	3.75	7.75	6.8			18.30
657	410661	Nguyễn Thị Huyền Trang	30/08/2010	7.25	8.0	8.6			23.85
658	410662	Nguyễn Thị Mai Trang	07/09/2010	5.5	6.25	4.8			16.55
659	410663	Nguyễn Thu Trang	16/06/2010	7.0	7.5	7.4			21.90
660	410664	Nguyễn Thu Trang	05/09/2010	1.5	4.25	3.0			8.75
661	410665	Nguyễn Thu Trang	17/09/2010	6.0	6.25	4.8			17.05
662	410666	Nguyễn Thùy Trang	25/06/2010	7.0	7.25	6.6			20.85
663	410667	Phạm Đoàn Trang	26/06/2010	7.25	7.5	8.0			22.75
664	410668	Phạm Minh Trang	23/09/2010	7.0	6.5	6.0			19.50
665	410669	Trương Thị Quỳnh Trang	24/03/2010	7.5	7.0	8.4			22.90
666	410670	Vũ Thị Mai Trang	07/12/2010	7.0	8.25	9.8			25.05
667	410671	Đỗ Ngọc Bảo Trâm	12/11/2010	8.0	7.25	8.8			24.05
668	410672	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	28/02/2010	6.25	6.5	7.8			20.55
669	410673	Nguyễn Thị Thùy Trâm	28/03/2010	6.5	7.75	7.8			22.05
670	410674	Trần Quyết Trí	27/05/2010	7.5	6.75	7.2			21.45
671	410675	Mai Thanh Trúc	15/01/2010	6.25	7.75	9.4			23.40
672	410676	Nguyễn Thanh Trúc	22/07/2010	7.25	7.5	9.2			23.95
673	410677	Nguyễn Thanh Trúc	10/02/2010	3.25	6.75	3.8			13.80
674	410678	Phùng Phương Trúc	29/07/2010	9.75	8.0	9.2			26.95
675	410679	Lưu Đức Trung	14/11/2010	7.25	6.0	9.6			22.85
676	410680	Ngô Hoàng Bảo Trung	12/05/2010	8.5	7.0	8.4			23.90
677	410681	Nguyễn Đức Trung	29/07/2010	1.5	4.75	3.8			10.05
678	410682	Nguyễn Thành Trung	02/11/2010	1.75	5.5	3.0			10.25
679	410683	Vũ Mạnh Trung	24/08/2010	1.5	4.75	3.6			9.85
680	410684	Nguyễn Xuân Trường	14/05/2010	10.0	7.0	9.6			26.60

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	ƯT	KK	Tổng điểm
681	410685	Vũ Ngọc Trường	08/08/2010	7.5	7.5	4.8			19.80
682	410686	Ngô Ngọc Tú	06/02/2010	6.75	7.5	7.6			21.85
683	410687	Nguyễn Đình Tú	15/05/2010	7.0	7.0	5.8			19.80
684	410688	Nguyễn Thị Tú	05/06/2010	0.25	3.5	3.4			7.15
685	410689	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17/01/2010	4.5	6.75	3.8			15.05
686	410690	Nguyễn Thị Hương Tú	09/09/2010	7.25	8.25	9.6			25.10
687	410691	Đỗ Trọng Tuấn	01/08/2010	3.0	5.0	2.2			10.20
688	410692	Bùi Viết Tuấn	11/12/2010	0.25	4.0	2.8			7.05
689	410693	Lã Quốc Tuấn	29/12/2010	8.25	8.25	9.0			25.50
690	410694	Nguyễn Hà Anh Tuấn	09/08/2010	2.0	4.25	3.0			9.25
691	410695	Nguyễn Hải Tuấn	29/12/2010	6.25	6.5	7.2			19.95
692	410696	Nguyễn Hoàng Thái Tuấn	22/06/2010	7.25	7.75	7.4			22.40
693	410697	Nguyễn Hữu Tuấn	12/12/2010	5.5	6.5	4.2			16.20
694	410698	Trần Quốc Tuấn	18/07/2010	0.5	6.25	1.4			8.15
695	410699	Ngô Gia Tuệ	20/08/2010	8.0	7.25	7.8			23.05
696	410700	Đặng Lâm Sơn Tùng	10/09/2010	8.25	6.75	9.8			24.80
697	410701	Nguyễn Quang Tùng	14/09/2010	7.5	7.25	9.6			24.35
698	410702	Nguyễn Thiên Tùng	30/01/2010	8.25	6.5	9.2			23.95
699	410703	Nguyễn Tiến Tùng	22/05/2010	8.5	7.0	8.6			24.10
700	410704	Nguyễn Văn Tùng	19/01/2010	1.25	2.5	1.8			5.55
701	410705	Nguyễn Xuân Tùng	12/04/2010	3.0	3.25	2.8			9.05
702	410706	Lê Đặng Uy	30/10/2010	7.5	6.0	9.0			22.50
703	410707	Đặng Tổ Uyên	10/05/2010	7.5	7.75	9.4			24.65
704	410708	Trịnh Anh Văn	18/11/2010	8.25	6.75	8.2			23.20
705	410710	Đỗ Thảo Văn	14/12/2010	6.5	7.5	5.4			19.40
706	410711	Nguyễn Thanh Vân	19/05/2010	7.75	6.75	5.6			20.10
707	410712	Nguyễn Thanh Vân	06/11/2010	8.25	8.0	10.0			26.25
708	410713	Phạm Thị Vân	01/06/2010	7.5	8.75	9.8			26.05
709	410714	Vũ Trịnh Thanh Vân	02/01/2010	7.0	7.0	8.2			22.20
710	410715	Nguyễn Thị Ngọc Vi	07/11/2010	6.75	7.25	8.2			22.20
711	410716	Hoàng Thái Việt	29/03/2010	2.5	5.5	4.2			12.20
712	410717	Lê Quốc Việt	04/08/2010	8.5	7.25	8.4			24.15
713	410718	Nguyễn Quốc Việt	20/08/2010	0.5	4.0	2.0			6.50
714	410719	Nguyễn Văn Việt	21/05/2010	7.0	7.0	4.2			18.20
715	410720	Phạm Lê Hoàng Việt	05/07/2010	8.5	7.5	8.4			24.40
716	410721	Lương Thế Vinh	24/01/2010	7.25	6.75	6.4			20.40
717	410722	Trần Thanh Vinh	13/01/2010	8.0	7.75	10.0			25.75
718	410723	Phạm Anh Vũ	25/03/2010	6.0	5.75	4.2			15.95
719	410724	Phạm Tuấn Vũ	10/01/2010	0.25	6.25	2.0			8.50
720	410725	Trần Đức Vương	27/07/2010	6.25	5.5	5.2			16.95

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THEO NGUYÊN VỌNG 1
Trường: THPT Tứ Kỳ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Toán học chung	Ngữ Văn chung	Tiếng Anh chung	UT	KK	Tổng điểm
721	410726	Đặng Thị Tường Vy	01/11/2010	2.25	6.25	4.4			12.90
722	410727	Hà Vy	19/08/2010	7.25	7.25	9.2			23.70
723	410728	Nguyễn Hà Vy	30/08/2010	6.75	7.75	8.6			23.10
724	410729	Nguyễn Thị Khánh Vy	01/11/2010	3.5	6.0	4.8			14.30
725	410730	Nguyễn Thị Tường Vy	07/05/2010	7.75	7.25	7.2			22.20
726	410731	Nguyễn Thị Yến Vy	21/12/2010	7.25	7.25	9.2			23.70
727	410732	Phạm Vũ Tường Vy	09/11/2010	2.25	5.5	4.4			12.15
728	410733	Trương Thị Khánh Vy	28/12/2010	7.75	7.5	7.6			22.85
729	410734	Nguyễn Thị Như Ý	08/09/2010	8.0	6.75	8.8			23.55
730	410735	Đinhthị Hải Yến	19/12/2010	7.25	7.0	6.4			20.65
731	410736	Nguyễn Hải Yến	11/10/2010	6.5	7.0	8.6			22.10
732	410737	Nguyễn Hải Yến	29/11/2010	8.0	7.0	8.8			23.80
733	410738	Nguyễn Phương Yến	07/11/2010	7.75	7.5	6.8			22.05
734	410739	Nguyễn Thị Hải Yến	04/06/2010	7.0	6.75	7.2			20.95
735	410740	Trần Hoàng Yến	19/08/2010	7.5	6.75	9.0			23.25

Hải Dương, ngày 17 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐỖ DUY HÙNG

